TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 06/2018/KDTM -ST Ngày: 23 - 11- 2018 *V/v:Tranh chấp hợp đồng tín dụng*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hồng Sơn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Xuân Hậu
2. Bà Phạm Thị Thu

- Thư ký phiêntoà: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh - Kiểm sát viên

Trong ngày 08 tháng 10 và các ngày 06, 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2014/TLST- KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2014 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXX ST- KDTM ngày 23 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST - HPT ngày 14 tháng 9 năm 2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2018/ QĐST - KDTM ngày 08/10/2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03//2018/ QĐST - KDTM ngày 06/11/2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q;

Trụ sở chính: Tầng 1, 6, 7 Tòa nhà C - 16 P, quận H, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ : Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Ngọc C - Cán bộ phòng thu hồi nợ, Ngân hàng TMCP Q.

Địa chỉ: Tầng 03, số nhà 113, đường Tr, quận L, Thành phố H *(Theo giấy ủy quyền số 3.1408 ngày 11 tháng 6 năm 2018).*

(Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH D;

Địa chỉ: Lô 03, khu A, cụm công nghiệp Tr, đường Tr, phường Tr, thành phố T, tỉnh T.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh N - Chủ tịch hội đồng thành viên.(Vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Vũ Văn C, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1958 (vợ ông C); Cùng địa chỉ: Số nhà 13, đường B, tổ 12, phường B, thành phố T, tỉnh T. (Bà Nguyễn Thị Th ủy quyền cho ông Vũ Văn C theo giấy ủy quyền ngày 07 tháng 8 năm 2018; ông C, bà T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3.2. Ông Phạm Mạnh H, sinh năm 1955 và bà Vũ Thị T, sinh năm 1957(vợ ông H); Cùng Địa chỉ: Số nhà 01, ngõ 28, phố Đ, tổ 32 (nay là tổ 30), phường Đ, thành phố T, tỉnh T;(ông H có mặt, bà T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3.3. Anh Phạm Anh T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số nhà 13, đường B, tổ 12, phường B, thành phố T, tỉnh T. (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

3.4. Anh Phạm Duy T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số nhà 13, đường B, tổ 12, phường B, thành phố T, tỉnh T.(vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần Q trình bày:*

Ngày 29 tháng 10 năm 2012, Công ty trách nhiệm hữu hạn Duy T (sau đây gọi tắt là Công ty Duy T) ký kết hợp đồng tín dụng số 358.1/HDTD -Q 44/12 với Ngân hàng thương mại cổ phần Q - Chi nhánh Thái Bình (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Q) vay vốn với số tiền là 3.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ giấy. Thời hạn vay: Theo thời hạn của từng khế ước nhận nợ, thời hạn của mỗi khế ước tối đa 06 tháng. Lãi xuất vay: Theo quy định của Q và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm nhận nợ. Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc cuối kỳ theo từng khế ước nhận nợ, trả nợ lãi vào ngày 15 hàng tháng. Tài sản bảo đảm cho khoản vay 3.000.000.000 đồng của Công ty Duy T là:

- Quyền sử dụng đất 40,3 m2 và quyền sở hữu nhà ở xây dựng trên đất của thửa đất số 222, tờ bản đồ số 20 tại địa chỉ tổ 04, phường P, thành phố T, tỉnh T thuộc quyền của bà Vũ Thị H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 707749 vào sổ cấp giấy CNQSDĐ: CH 00224 PK - TB do UBND thành phố Thái Bình cấp ngày 03/8/2011. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp

số 358/2012/BĐ ngày 29/10/2012 giữa Ngân hàng Q (bên nhận thế chấp), bà Vũ Thị H (bên thế chấp) và Công ty Duy T(bên được cấp tín dụng)

- Quyền sử dụng đất 58,8 m2 và quyền sở hữu nhà ở xây dựng trên đất tại thửa đất số 168, tờ bản đồ số 06, địa chỉ tổ 12, phường B, thành phố T, tỉnh T thuộc quyền của ông Vũ Văn C và bà Nguyễn Thị Th theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 879190 số vào sổ cấp giấy CNQSDĐ: 00541 QSDĐ/BX-TP/978/QĐ-UB do UBND thành phố Thái Bình cấp ngày 30/11/2004. Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 294A/2011/BĐ ngày 28/4/2011 giữa Ngân hàng Q (bên nhận thế chấp), ông Vũ Văn C và bà Nguyễn Thị Th (bên thế chấp) và Công ty Duy T (bên được cấp tín dụng).

- Quyền sử dụng đất 64,4 m2 và quyền sở hữu nhà ở xây dựng trên đất tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 8 ở địa chỉ: tổ 32 (nay là tổ 30), phường Đ, thành phố T, tỉnh T thuộc hộ bà Vũ Thị T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L811552, số vào sổ cấp giấy CNQSDĐ: 0098 QSDĐ/724/QĐ-UB (T) do UBND tỉnh Thái Bình cấp ngày 08/8/2000. Tài sản được thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 294B/2011/BĐ ngày 28/4/2011 giữa Ngân hàng Q (bên nhận thế chấp), hộ gia đình ông Phạm Mạnh H, bà Vũ Thị T, anh Phạm Anh T và anh Phạm Duy T (bên thế chấp) và Công ty Duy T (bên được cấp tín dụng)

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng số 358.1/HDTD-Q 44/12 ngày 29/10/2012, Ngân hàng Q đã thực hiện giải ngân số tiền 3.000.000.000 đồng đến người thụ hưởng theo yêu cầu của Công ty Duy T theo các khế ước nhận nợ. Cụ thể:

- Tại khế ước nhận nợ số 358.1.1/KUNN1 ngày 08/11/2012, Công ty Duy T ký nhận nợ số tiền 900.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 08/11/2012, hình thức giải ngân đề nghị Ngân hàng chuyển khoản thanh toán tiền hàng cho Công ty TNHH SX - TM N. Theo đó Công ty Duy T trả nợ gốc vào cuối kỳ, trả lãi tiền vay vào ngày 15 hàng tháng. Lãi xuất: 03 tháng đầu áp dụng tại thời điểm giải ngân là 13,5%/năm, các tháng sau điều chỉnh theo chính sách lãi xuất của Ngân hàng Q và phù hợp với quy định của pháp luật; lãi xuất nợ quá hạn bằng 150% lãi xuất trong hạn.

- Tại khế ước nhận nợ số 358.1.2/KUNN2 ngày 09/11/2012, Công ty Duy T ký nhận nợ số tiền 509.000.000 đồng, thời hạn vay 04 tháng kể từ ngày 09/11/2012, hình thức giải ngân đề nghị Ngân hàng chuyển khoản thanh toán tiền hàng cho Công ty TNHH in Thành Trung. Theo đó Công ty Duy T trả nợ gốc vào cuối kỳ, trả lãi tiền vay vào ngày 15 hàng tháng. Lãi xuất: 03 tháng đầu áp dụng tại thời điểm giải ngân là 13,5%/năm, các tháng sau điều chỉnh theo chính sách lãi xuất của Ngân hàng Q và phù hợp với quy định của pháp luật; lãi xuất nợ quá hạn bằng 150% lãi xuất trong hạn.

- Tại khế ước nhận nợ số 358.1.3/KUNN3ngày 09/11/2012, Công ty Duy T ký nhận nợ số tiền 700.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng kể từ ngày 09/11/2012, hình thức giải ngân đề nghị Ngân hàng chuyển khoản thanh toán tiền hàng cho Công ty TNHH SX - TM N. Theo đó Công ty Duy T trả nợ gốc vào cuối kỳ, trả lãi tiền vay

vào ngày 15 hàng tháng. Lãi xuất: 03 tháng đầu áp dụng tại thời điểm giải ngân là 13,5%/năm, các tháng sau điều chỉnh theo chính sách lãi xuất của Ngân hàng Q và phù hợp với quy định của pháp luật; lãi xuất nợ quá hạn bằng 150% lãi xuất trong hạn.

- Tại khế ước nhận nợ số 358.1.4/KUNN1ngày 13/11/2012, Công ty Duy T ký nhận nợ số tiền 891.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 13/11/2012, hình thức giải ngân đề nghị Ngân hàng chuyển khoản thanh toán tiền hàng cho Công ty TNHH SX và TM N. Theo đó Công ty Duy T trả nợ gốc vào cuối kỳ, trả lãi tiền vay vào ngày 15 hàng tháng. Lãi xuất: 03 tháng đầu áp dụng tại thời điểm giải ngân là 13,5%/năm, các tháng sau điều chỉnh theo chính sách lãi xuất của Ngân hàng Q và phù hợp với quy định của pháp luật; lãi xuất nợ quá hạn bằng 150% lãi xuất trong hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Duy T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận dẫn đến khoản vay bị phát sinh nợ quá hạn kể từ ngày 18/02/2013, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần làm việc đề nghị và tạo điều kiện nhưng Công ty Duy T không thực hiện. Ngày 27/02/2014, bà Vũ Thị H đã nộp trả thay cho Công ty Duy T số tiền 175.000.000 đồng để Ngân hàng đồng ý trừ nợ gốc và giải chấp tài sản bảo đảm của bà Vũ Thị H; ngày 10/10/2018 vợ chồng ông Vũ Văn C, bà Ngyễn Thị Thúy nộp số tiền 1.500.000.000 đồng cho Ngân hàng để trừ vào nợ gốc và giải chấp tài sản bảo đảm của ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị Th, hiện khoản vay chỉ còn 01 tài sản bảo đảm là nhà đất hộ bà Vũ Thị T. Đến nay số dư nợ còn lại của Công ty Duy T tạm tính đến ngày 23/11/2018 là 4.866. 898.906 đồng. Trong đó nợ gốc là 1.325.000.000 đồng, lãi trong hạn là 113.342.343 đồng. lãi nợ quá hạn là 3.428. 556. 563 đồng. Ngân hàng Q yêu cầu Công ty Duy T trả toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến ngày 23/11/2018 là 4.866. 898. 906 đồng, tiếp tục tính lãi quá hạn như thỏa thuận theo hợp đồng kể từ ngày 24/11/2018 đến khi Công ty Duy T tất toán khoản vay. Trường hợp Công ty Duy T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Q được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ .

* *Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Duy T* đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để thực hiện quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Tuy nhiên người đại diện theo pháp luật của Công ty Duy T là bà Nguyễn Thị Thanh N đã bỏ đi không thông báo địa chỉ và không có ủy quyền lại nên không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện và cũng không có mặt theo các lần triệu tập của Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án:*

- Ông Phạm Mạnh H và bà Vũ Thị T xác nhận, vợ chồng ông bà cùng 02 con là Phạm Anh T và Phạm Duy T là thành viên trong hộ gia đình đã tự nguyện dùng tài sản là nhà + đất để bảo đảm cho Công ty TNHH D vay tiền Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng số 358.1/HDTD - Q 44/12 ngày

29/10/2012 thông qua hợp đồng thế chấp số 294B/2011/BĐ ngày 28 tháng 4 năm 2011. Theo đó tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 64,4 m2, thửa số 54, tờ bản đồ số 08 và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại tổ 32 (nay là tổ 30), phường Đ, thành phố T, tỉnh T. Tài sản dùng để bảo đảm cho toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ khác của bên vay cho Ngân hàng Q.

- Anh Phạm Anh T và anh Phạm Duy T (là con ông H, bà T) là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có văn bản trình bày ý kiến và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Vũ Văn C và bà Nguyễn Thị Th (vợ ông C) xác nhận có bảo đảm cho Công ty Duy T vay tiền Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Thái Bình theo Hợp đồng tín dụng số 358.1/HDTD – Q 44/12 ngày 29/10/2012 thông qua hợp đồng thế chấp số 294A/2011/BĐ ngày 28 tháng 4 năm 2011. Theo đó tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất 58,8 m2, thửa số 168, tờ bản đồ số 06 và tài sản gắn liền với đất tại tổ 12, phường B, thành phố T, tỉnh T. Tài sản dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của bên vay cho Ngân hàng Q. Trong quá trình giải quyết vụ án ngày 10/10/2018, ông C bà T đã nộp cho Ngân hàng số tiền 1.500.000.000 đồng trả nợ thay cho Công ty Duy T để Ngân hàng giải chấp tài sản bảo đảm của ông C, bà T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

1.1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán đã xác định chủ thể quan hệ pháp luật và tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

1.2.. Về tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005, Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Duy T phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ tính đến ngày 23/11/ 2018 tổng cộng là 4.866.898. 906 đồng. Trong đó tiền nợ gốc là 1.325.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 113.342.343 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.428.556.536 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty TNHH D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi xuất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi xuất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Q thì lãi xuất mà Công ty TNHH D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi xuất của Ngân hàng.

Trong trường hợp Công ty TNHH D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 358.1/HDTD - Q 44/12 ngày 29/10/2012 khi bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 294B/2011/BĐ ngày 28/4/2011. là nhà đất thuộc thửa số 54, tờ bản đồ số 08, tại số 01, ngõ 28, phố Đ tổ 32 (nay là tổ 30), phường Đ, thành phố T, tỉnh T để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản thế chấp sau khi xử lý không đủ để thu hồi nợ thì Công ty TNHH D phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q cho đến khi thanh toán xong nợ.

Về án phí : Công ty TNHH D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng Q có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty Duy T thanh toán khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 358.1/HDTD- Q 44/12 ngày 29/10/2012. Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần thứ 7 ngày 10 tháng 12 năm 2013, Công ty TNHH D có trụ sở tại lô 3, khu A, cụm công nghiệp Tr, đường Tr, phường Tr, thành phố T. Căn cứ theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Duy T nhân danh Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Q nên việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng gắn kết với địa chỉ trụ sở của pháp nhân theo quy đinh tại Điều 79 Bộ luật dân sự nên không cần tống đạt các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của cá nhân là người đại diện theo pháp luật của

Công ty Duy T, bởi lẽ khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự quy định: Cá nhân phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú của mình trong trường hợp thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ. Do đó, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, quyết định tạm ngừng phiên tòa trong đó có ghi rõ ngày xét xử từng lần đến địa chỉ đăng ký kinh doanh của Công ty Duy T, nhưng người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Nguyễn Thị Thanh N đều vắng mặt tại phiên tòa trong các lần triệu tập không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo pháp luật cho bị đơn. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị T, ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị Th, anh Phạm Anh T và anh Phạm Duy T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị T, ông Vũ Văn C, bà Nguyễn Thị Th, anh Phạm Anh T và anh Phạm Duy T.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty Duy T thanh toán khoản nợ gốc còn lại và lãi của hợp đồng tín dụng số 358.1/HDTD-Q 44/12 ngày 29/10/2012 và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của hợp đồng thế chấp số 294B/2011/BĐ ngày 28 tháng 4 năm 2011 trong trường hợp Công ty Duy T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngân hàng Q hoạt động các lĩnh vực tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp (Mã số doanh nghiệp: 0100233488); Ngân hàng Q - Chi nhánh Thái Bình hoạt động trong những ngành nghề theo ủy quyền của Ngân hàng Q theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh (Mã số chi nhánh: 0100233488 - 057); Công ty TNHH D là doanh nghiệp được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam có nhu cầu vốn trong kinh doanh. Do đó Ngân hàng Q-Chi nhánh Thái Bình ký kết hợp đồng tín dụng số 358.1/HDTD-Q44/12 ngày 29/10/2012 với Công ty Duy T để cấp tín dụng theo mục đích mà doanh nghiệp đã nêu là phù hợp với những quy định về nội dung và hình thức của hợp đồng được quy định tại các điều 122,123,124 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[4] Hợp đồng tín dụng số 358.1/HDTD-Q 44/12 ngày 29/10/2012 được ký kết giữa Ngân hàng Q - Chi nhánh Thái Bình với Công ty Duy T. Sau khi ký kết Ngân hàng Q - Chi nhánh Thái Bình đã lần lượt giải ngân tiền vay theo yêu cầu

của Công ty Duy T. Cụ thể: Ngày 08/11/2012 cho Công ty TNHH SX - TM N số tiền 900.000.000 đồng; ngày 09/11/2012 cho Công ty TNHH in Thành Trung số tiền 509.000.000 đồng; ngày 09/11/2012 cho Công ty TNHH SX - TM N số tiền 700.000.000 đồng; ngày 13/11/2012 cho Công ty TNHH SX - TM N số tiền 891.000.000 đồng; và Công ty Duy T đã ký các giấy nhận nợ số 358.1.1/KUNN1; 358.1.2/KUNN2; 358.1.3/KUNN3; 358.1.4/KUNN4 với Ngân hàng Quốc tế - chi nhánh Thái Bình. Theo đó Công ty Duy T có trách nhiệm trả lãi vay vào ngày 15 hàng tháng với lãi xuất 03 tháng đầu áp dụng tại thời điểm giải ngân là 13,5%/năm, các tháng sau điều chỉnh theo chính sách lãi xuất của Ngân hàng Q và phù hợp với quy định của pháp luật; lãi xuất nợ quá hạn bằng 150% lãi xuất trong hạn và trả nợ gốc vào cuối kỳ lần lượt vào các ngày theo thời hạn trên khế ước nhận nợ. Hội đồng xét xử xét thấy nội dung thỏa thuận nêu trên của Ngân hàng Ngân hàng Q - Chi nhánh Thái Bình và Công ty Duy T tại hợp đồng tín dụng số 358.1/HDTD-Q 44/12 ngày 29/10/2012 và các khế ước nhận nợ kèm theo phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện theo thỏa thuận tại hợp đồng và các khế ước nhận nợ kèm theo.

[5].Theo trình bày của các đương sự, Công ty Duy T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền lãi hàng tháng từ ngày 18/02/2013 và tiền vay gốc của các giấy nhận nợ nêu trên khi đến hạn. Căn cứ khoản 2 và 4 Điều 4 Hợp đồng tín dụng số 358.1/HDTD - Q 44/12 ngày 29/10/2012 các giấy khế ước nhận nợ số 358.1.1/KUNN1; 358.1.2/KUNN2; 358.1.3/KUNN3; 358.1.4/KUNN4 Công ty Duy T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng Q khởi kiện yêu cầu Công ty Duy T phải trả số tiền gốc còn thiếu, tiền lãi phát sinh trong hạn chưa trả từ ngày 18/02/2013 và tiền lãi quá hạn trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi xuất quá hạn do hai bên thỏa thuận cho đến khi trả hết nợ là phù hợp với thỏa thuận tại hợp đồng nên có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào các khế ước nhận nợ số 358.1.1/KUNN1 ngày 08/11/2012; 358.1.2/KUNN2 ngày 09/11/2012; 358.1.3/KUNN3 ngày 09/11/2012; 358.1.4/KUNN4 ngày 13/11/2012 cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, xác định đến thời điểm xét xử ngày 23/11/2018, Công ty Duy T còn nợ Ngân hàng TMCP Q các khoản gồm :

- Số tiền vay gốc còn lại: 1.325.000.000 đồng.
- Tiền lãi trong hạn: 113.342.343 đồng.
- Tiền lãi quá hạn: 3.428.556.563 đồng

Vậy tổng số tiền gốc và lãi mà Công ty TNHH D có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng Q đến thời điểm xét xử sơ thẩm (*ngày 23/11/2018*) là

4.866.898.906 đồng (Bốn tỷ tám trăm sáu sáu triệu tám trăm chín tám nghìn chín trăm linh sáu đồng).

[6] Xét yêu cầu của Ngân hàng Q về xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp Công ty Duy T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo bản tự khai và lời khai trong quá trình tố tụng ông Phạm Mạnh H là thành viên Công ty Duy T đồng thời là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày: Công ty TNHH D có vay của Ngân hàng Q - chi nhánh Thái Bình số tiền 3.000.000.000 đồng mục đích để kinh doanh theo hợp đồng tín dụng số 358.1/HDTD-Q 44/12 ngày 29/10/2012 và các khế ước nhận nợ hai bên ký kết như nguyên đơn trình bày đúng, quá trình thực hiện hợp đồng do kinh doanh không hiệu quả, đến nay Công ty Duy T chưa trả được nợ gốc và lãi cho Ngân hàng như thỏa thuận. Tài sản bảo đảm cho khoản vay ông cùng vợ là bà Vũ Thị T và các con Phạm Anh T, Phạm Duy T đã tự nguyện dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là nhà đất tại số 01, ngõ 28, phố Đ, tổ 30 phường Đ, thành phố T để bảo đảm khoản vay của Công ty Duy T đối với hợp đồng tín dụng số 358.1/HDTD - Q 44/12 ngày 29/10/2012 theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 294B/2011/BĐ ngày 28/4/2011. Ông Vũ Văn C và bà Nguyễn Thị Th xác nhận đã tự nguyện dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình tại địa chỉ tổ 12, phường B, thành phố Thái Bình theo Hợp đồng thế chấp số 294A/2011/BĐ ngày 28/4/2011 để bảo đảm cho khoản vay của Công ty Duy T theo hợp đồng tín dụng số 358.1/HDTD - Q 44/12 ngày 29/10/2012; bà Vũ Thị H đã tự nguyện dùng tài sản thuộc quyền sở hữu của mình là nhà đất tại tổ 4, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình ký Hợp đồng thế chấp số 358/2012/BĐ ngày 29/10/2012 bảo đảm khoản vay của Công ty Duy T đối với hợp đồng tín dụng số 358.1/HDTD - Q 44/12 ngày 29/10/2012. Các hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền có nội dung phù hợp với quy định tại các điều 122, 123, 124, 318, 320, 323, 717, 719 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dung, nên các bên buộc phải thực hiện trách nhiệm theo thỏa thuận của hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng do Công ty Duy T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 27/02/2014 bà Vũ Thị H đã nộp 175.000.000 đồng trả nợ một phần thay cho Công ty Duy T để Ngân hàng thu nợ gốc và giải chấp tài sản bảo đảm của bà Vũ Thị H. Quá trình giải quyết vụ án, ngày 10/10/2018 ông Vũ Văn C và bà Nguyễn Thị Th đã nộp 1.500.000.000 đồng trả nợ thay cho Công ty Duy T để Ngân hàng thu vào nợ gốc và giải chấp tài sản bảo đảm của ông Vũ Văn C và bà Nguyễn Thị Th theo hợp đồng tín dụng đã nêu. Xét thấy Ngân hàng Q và bên

thế chấp đã thỏa thuận và thực hiện việc giải chấp tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Hiện nay còn lại một tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty Duy T đối với hợp đồng tín dụng số 358.1/HDTD - Q 44/12 ngày 29/10/2012 là nhà + đất theo hợp đồng thế chấp số 294B/2011/BĐ ngày 28/4/2011 do vợ chồng bà T, ông H quản lý, sử dụng. Qua xem xét thẩm định tại chỗ thấy từ khi đăng ký thế chấp đến nay tài sản này vẫn còn nguyên trạng, không thay đổi gì khác. HĐXX thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về xử lý tài sản bảo đảm trong thường hợp bị đơn là Công ty Duy T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 294B/2011/BĐ ngày 28/4/2011 để thu hồi nợ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn Công ty TNHH D phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho Ngân hàng TMCP Q là: 112.000.000 đồng + 0,1% x (4.866.898. 906 đồng – 4.000.000.000 đồng) = 112.866.000 đồng.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 50.000.000 đồng theo biên lai thu số 002231 ngày 12/5/2014.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 122, 123, 124, 318, 348, 355, 471 và Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005.

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Q (Q).

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Duy T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q số tiền còn thiếu theo hợp đồng tín dụng số 358.1/HDTD - Q 44/12 ngày 29/10/2012 và các khế ước nhận nợ số 358.1.1/KUNN1 ngày 08/11/2012; 358.1.2/KUNN2 ngày 09/11/2012; 358.1.3/ KUNN3 ngày 09/11/2012; 358.1.4/KUNN4 ngày 13/11/2012 tổng cộng là 4.866. 898. 906 đồng (Bốn tỷ, tám trăm sáu sáu triệu, tám trăm chín tám nghìn, chín trăm linh sáu đồng), trong đó tiền nợ gốc là 1.325.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 113.342.343 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.428. 556. 563 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty TNHH D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi xuất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi xuất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Q thì lãi xuất mà Công ty TNHH D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi xuất của Ngân hàng TMCP Q.

Trong trường hợp Công ty TNHH D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ của hợp đồng tín dụng số 358.1/HDTD - Q 44/12 ngày 29/10/2012, Ngân hàng TMCP Q được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp số 294B/2011/BĐ ngày 28/4/2011 được lập tại văn phòng công chứng Hưng Thịnh số 311, phố Lý Bôn, phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình có số công chứng: 562/2011 - Quyển số 1 VPCCHT/ HĐTC - Q, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 13 tháng 5 năm 2011 tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, phòng tài nguyên và môi trường thành phố Thái Bình. Tài sản bảo đảm là nhà đất thuộc thửa số 54, tờ bản đồ số 08, tại số 01, ngõ 28, phố Đ tổ 32 (nay là tổ 30), phường Đ, thành phố T, tỉnh T, nhà xây bê tông cốt thép 03 tầng, diện tích xây dựng 193,2 m2 trên đất có diện tích 64,4 m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L811552 (vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000098 QSSĐ/724/QĐ – UB(T) do Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình cấp ngày 08 tháng 8 năm 2000.

Trường hợp tài sản thế chấp sau khi xử lý không đủ để thu hồi nợ thì Công ty TNHH D phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí:

2.1. Công ty trách nhiệm hữu hạn Duy T phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.866.000 đồng (Một trăm mười hai triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

2.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Q số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 002231 ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thái Bình*
- *VKSND TP Thái Bình*
- *Chi cục THADS TP Thái Bình*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Hồng Sơn